

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/HSST
Ngày 22-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Hải Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chanh và bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sa Văn Quỳnh.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/7/1993 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Khu 1, thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Trần Thị M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10 tháng 11 năm 2017; Có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/10/1990 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Khu 2, thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T – sinh năm: 1958; có vợ là Ngô Thị Phương T và 01 con; tiền án: Tại bản án số 92/2016/HSST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10 tháng 11 năm 2017; Có mặt.

Bị hại:

- Anh Vũ Hồng P, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: Tiểu khu 7, thị trấn M,

huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Danh H, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Chị Đinh Thị L, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Tiểu khu 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Đặng Văn C, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Tiểu khu 5, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Đức C, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Khu 2, thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

- Anh Trần Hồng K, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Anh Vũ Hoàng L, chị Nguyễn Thị H – Người làm chứng. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/11/2017 Nguyễn Văn T đi một mình đến chợ Đồng Xuân, Thành phố Hà Nội để mua quần áo, giày dép về để bán. Khi đi qua một cửa hàng bán đồ trang sức thì T gặp một người phụ nữ không quen biết khoảng 40 tuổi. Qua trao đổi người phụ nữ cho biết người đó đang bán bạc kém chất lượng với giá rẻ một bộ gồm 01 dây chuyền và 01 lắc tay với giá 1.300.000đ. Thấy giống bạc thật và giá rẻ nên T nảy sinh ý định mua số dây chuyền, lắc tay đó mang đi lừa bán tại các cửa hàng vàng bạc lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H rủ H có chỗ nào thuê xe ô tô tự lái để đi lên huyện M. H đã thuê được một chiếc xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, loại LACETTI SE-1, BKS 34A-099.10 của anh Đỗ Tuấn K và hẹn sáng hôm sau sẽ qua đón T. Đến sáng hôm sau H rủ anh rể của H là Phạm Đức L cùng đi lên huyện M để anh L lái xe cho H, H trả L là 400.000đ/ 1 ngày lái xe thuê. Đến khoảng 08 giờ ngày 09/11/2017 H và L đi xe ô tô đến đón T, T cầm theo túi đựng dây chuyền, lắc tay để xuống gầm ghế lái của ô tô và cất một bộ dây chuyền, lắc tay vào túi áo đang mặc. Trên đường đi T đưa cho H một sợi dây chuyền và một lắc tay. Đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày thì T, H và L lên đến huyện M đi ăn cơm và thuê nhà nghỉ ngủ. Trong khi ở nhà nghỉ H đã tháo dây bạc T đưa cho mình đeo trước đó ra.

Lần thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 10/11/2017 T lấy dây bạc mà H tháo ra đeo vào cổ, tay mình rồi cùng H và L đi đến Tiểu khu 6, thị trấn M, huyện M. T xuống xe đi bộ vào trong cửa hàng kinh doanh vàng bạc của anh Vũ Hồng P làm chủ thì gặp anh Vũ Hoàng L là nhân viên đang bán hàng. T tháo trên cổ và tay ra 01 sợi dây chuyền và 01 lắc tay đưa cho anh L, anh L cầm dây chuyền và lắc tay T đưa cho nhìn bên ngoài thấy giống bạc thật nên không nghi ngờ gì liền cho lên cân tính tiền và trả cho T 2.220.000đ.

Lần thứ hai: Sau khi bán dây chuyền và lắc tay cho anh L thì T cầm tiền và đi bộ ra xe ô tô. Khi lên xe H hỏi: “Mày bán cái gì đấy”? T bảo: “Em bán dây bạc”. H bảo: “Sao lại bán?” thì T trả lời “Hôm trước em xuống chợ Đồng Xuân mua được dây bạc kém chất lượng không phải bạc thật, giá rẻ, anh bán được một bộ em cho anh ba trăm nghìn”. H bảo: “Ừ, để anh bán”. T còn dặn H: “Khi vào bán nếu họ hỏi thì bảo là đánh bạc thua nên bán”. Sau đó T bảo L điều khiển xe đi về hướng thị trấn N, huyện M. Khi đi đến khu vực tiểu khu B, thị trấn N thì T bảo L dừng xe. T đưa cho H 01 dây chuyền và 01 lắc tay để H đeo sẵn lên người. Sau đó H đi bộ vào một cửa hàng kinh doanh vàng bạc cũng của anh Vũ Hồng P, lúc đó chị Nguyễn Thị H là nhân viên đang bán hàng. H tháo dây chuyền và lắc tay đang đeo trên người ra đưa cho chị H. Chị H xem dây bạc nghĩ là bạc thật nên cho lên cân nhân giá và trả cho H 2.220.000đ. H cầm tiền rồi đi bộ ra chỗ xe ô tô đang chờ. Sau đó H đưa số tiền 2.220.000đ cho T cất giữ.

Lần thứ ba: Trong lúc H xuống xe bán dây bạc cho chị H thì T cũng xuống xe đi bộ đến cửa hàng kinh doanh vàng bạc của anh Đỗ Danh H. Khi gặp anh H, T tháo dây chuyền và lắc tay đang đeo trên người ra gạ bán cho anh H. Anh H thấy T tháo dây bạc từ trên người ra thì tin tưởng là dây bạc T đang sử dụng nên không nghi ngờ gì đã cầm cho lên cân và trả cho T 2.220.000đ.

Lần thứ tư: T bảo L điều khiển xe ô tô quay lại thị trấn M đến cửa hàng vàng bạc của chị Đinh Thị L. Khi gặp chị L, T tháo dây chuyền và lắc tay đang đeo trên người ra đưa cho chị L để bán, chị L thấy vậy nên không nghi ngờ gì liền cầm cho lên cân và trả cho T 2.040.000đ.

Lần thứ năm: T bảo L điều khiển xe ô tô đi về hướng cửa khẩu Lóng Sập, trên đường đi T tự lấy một bộ dây chuyền và lắc tay đeo lên người, một bộ đưa cho H đeo, T bảo H đeo vào để cùng nhau vào bán. Khi đi đến cửa hàng kinh doanh vàng bạc của anh Đặng Văn C thì T bảo L dừng xe, T và H đi vào trong cửa hàng. H tháo dây chuyền và lắc tay đang đeo trên người ra đưa cho anh C, anh C không nghi ngờ gì liền cho lên cân nhân giá và trả cho H 2.035.000đ. Ngay sau đó T cũng tháo dây chuyền và lắc tay đang đeo trên người ra đưa cho anh C bảo: “Em đánh bạc thua hết tiền nên muốn bán vòng cổ, lắc tay”. Anh C không nghi ngờ gì nên cũng cân và nhân giá trả cho T 2.055.000đ. Sau khi đi ra xe H đưa hết số tiền vừa bán dây bạc cho T, T cầm tất cả số tiền cất vào gầm ghế lái của xe ô tô cùng với túi đựng dây chuyền, lắc tay còn lại. Sau đó T bảo L lái xe hướng về thị trấn M, huyện M. Trên đường đi thì gặp tổ công tác công an huyện Mộc Châu đang làm nhiệm vụ đã triệu tập T và H về trụ sở làm việc.

Tại kết luận giám định số: 5711/C54(P4) ngày 16/11/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- 12 dây chuyền và 08 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng (có ký hiệu mẫu giám định từ 01 đến 20) đựng trong 01 hộp giấy hình vuông, bên ngoài vỏ hộp ghi “Vật chứng gồm 12 dây chuyền và 08 lắc tay đều bằng kim loại, thu giữ khi kiểm tra phương tiện xe ô tô BKS 34A – 099.10 ngày 10/11/2017” gửi giám định có tổng khối lượng: 1892,16 gam; đều là hợp kim của đồng, kẽm, niken, sắt (Cu, Zn, Ni, Fe). Hàm lượng trung bình Cu: 75,87%; hàm lượng trung bình Zn: 12,44%;

hàm lượng trung bình Ni: 8,83%; hàm lượng trung bình Fe: 0,27%. Bên ngoài mạ một lớp bạc, hàm lượng Ag trung bình: 2,59%.

- 06 dây chuyền và 06 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng (có ký hiệu mẫu giám định từ 21 đến 32) đựng trong 01 hộp giấy hình vuông, bên ngoài vỏ hộp ghi “Vật chứng gồm 06 dây chuyền và 06 lắc tay đều bằng kim loại, thu giữ của người bị hại xảy ra ngày 10/11/2017” gửi giám định có tổng khối lượng: 1091,76 gam; đều là hợp kim của đồng, kẽm, niken, sắt (Cu, Zn, Ni, Fe). Hàm lượng trung bình Cu: 75,71%; hàm lượng trung bình Zn: 12,67%; hàm lượng trung bình Ni: 8,63%; hàm lượng trung bình Fe: 0,46%. Bên ngoài mạ một lớp bạc, hàm lượng Ag trung bình: 2,53%.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khảo sát trên thị trường mua bán vàng bạc xác định: 12 dây chuyền và 08 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng có tổng khối lượng 1892,16 gam hàm lượng Ag trung bình: 2,59% tương ứng với khối lượng bạc nguyên chất 49 gam có giá trị là 614.000đ; 06 dây chuyền và 06 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng, có tổng khối lượng: 1091,76 gam; hàm lượng Ag trung bình: 2,53% tương ứng khối lượng bạc nguyên chất 2,62 gam có giá trị 364.000đ.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 09/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt các bị cáo như sau:

1. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 139; khoản 2, 3 Điều 30; điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ.

2. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 139; khoản 2, 3 Điều 30; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ.

3. Áp dụng Điều 3, 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Chấp nhận việc anh Nguyễn Đức C là anh trai của Nguyễn Văn H và anh Trần Hồng K là cậu ruột của Nguyễn Văn T đã bồi thường thiệt hại cho anh Vũ Hồng P số tiền 4.440.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng); bồi thường cho anh Đỗ Danh H số tiền 2.220.000 đồng (Hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng); bồi thường cho anh Đặng Văn C số tiền 4.090.000 đồng (Bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng); bồi thường cho chị Đinh Thị L số tiền 2.040.000 đồng (Hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Chấp nhận việc anh

Nguyễn Đức C và anh Trần Hồng K không yêu cầu Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải bồi thường lại số tiền đã bồi thường thay cho những bị hại.

4. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 12.390.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Trả cho Nguyễn Văn H quản lý sử dụng 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về phần hình phạt bổ sung và án phí hình sự các vật chứng sau:

- Tạm giữ của Nguyễn Văn H: 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng IPHONE 5, vỏ màu trắng đã qua sử dụng kèm 01 sim và số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 chiếc điện thoại di động VIETTEL, vỏ màu đỏ đen đã qua sử dụng kèm 01 sim; 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG - Galaxy J5, vỏ màu vàng nâu đã qua sử dụng kèm 02 sim; Số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Tịch thu và tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 chiếc túi nilon màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc túi vải màu trắng, bên trên có ghi chữ “FORMAT LOVE” đã qua sử dụng; 01 bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 34A – 099.10 mang tên Nguyễn Văn Phan.

- 01 chiếc mũ vải, loại lưới trai màu đen, vỏ vạch đỏ - xanh hai bên, hoa văn là các chữ “GD”, màu vàng đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc quần dài bằng vải màu xanh, trên mác có ghi dòng chữ “FASHION” - SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc áo phông cộc tay màu trắng, mặt trước có chữ “D2” màu đỏ, bên dưới có dòng chữ “DS QUARED 2” màu đen, trên mác có dòng chữ “IT.IT” màu đen, SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc áo khoác màu đen, trên ngực trái có gắn logo tròn ghi “11”, trên mác có ghi dòng chữ “Buch Dean”, SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T.

- 01 chiếc quần bò dài màu xanh, trên mác quần có gắn mác màu đen ghi chữ “HANMAZHE”, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu tím, cổ áo có gắn mác màu đen ghi chữ “ZARA”, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H.

- 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng 12 dây chuyền và 08 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng được đánh số thứ tự từ 01 đến 20.

- 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng 06 dây chuyền và 06 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng được đánh số thứ tự từ 21 đến 32.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 02 chiếc đĩa bên trong chứa dữ liệu điện tử (trích xuất từ camera tại cửa hàng của anh Đỗ Danh H và anh Đặng Văn C có ghi lại hình ảnh T và H thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/11/2017).

5. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn đề nghị của bị hại; biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm; biên bản tạm giữ, thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản kiểm tra phương tiện; biên bản, bản ảnh nhận dạng; kết luận giám định; lời khai của những bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: 10/11/2017 Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối lừa bán cho anh Vũ Hoàng L 01 dây chuyền và 01 lắc tay bên ngoài có mạ một lớp bạc nhằm chiếm đoạt 2.220.000đ; Sau đó Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối lừa bán cho chị Nguyễn Thị H, anh Đỗ Danh H, anh Đặng Văn C và chị Đinh Thị L 05 dây chuyền và 05 lắc tay bên ngoài có mạ một lớp bạc nhằm chiếm đoạt 10.570.000đ (tỷ lệ bạc 2,53% đến 2,59%), mục đích để chi tiêu cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Phân hoá vai trò phạm tội: Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi sự và trực tiếp hành vi phạm tội, giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn H trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, là đồng phạm trong vụ án với vai trò người thực hành. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999, do đó khi quyết định hình phạt căn cứ Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên vẫn thực hiện. Do đó, cần quyết định hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt đều trên hai triệu đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó các bị cáo bị áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần”. Đối với Nguyễn Văn H có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên bị áp dụng thêm tình tiết “tái phạm”. Được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã tích cực tác động đến gia đình để tự nguyện bồi thường cho những bị hại, khắc phục hậu quả; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó cần áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với hai bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng nhất, do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra đã tạm giữ của các bị cáo một số tài sản, do đó cần phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Ngày 05/12/2017 anh Nguyễn Đức C là anh trai của Nguyễn Văn H và anh Trần Hồng K là cậu ruột của Nguyễn Văn T đã bồi thường thiệt hại cho anh Vũ Hồng P số tiền 4.440.000đ; bồi thường cho anh Đỗ Danh H số tiền 2.220.000đ; bồi thường cho anh Đặng Văn C số tiền 4.090.000đ; bồi thường cho chị Đinh Thị L số tiền 2.040.000đ, các bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự gì khác. Anh Nguyễn Đức C và anh Trần Hồng K không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền đã bỏ ra bồi thường cho những bị hại.

Xét việc bồi thường dân sự trên là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 12.390.000 đ là tiền do các bị cáo phạm tội mà có cần bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H là giấy tờ tùy thân của bị cáo cần tuyên trả cho Nguyễn Văn H quản lý sử dụng.

Đối với những vật chứng là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về phần hình phạt bổ sung và án phí hình sự, bao gồm:

- Tạm giữ của Nguyễn Văn H: 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng IPHONE 5, vỏ màu trắng đã qua sử dụng kèm 01 sim; Số tiền 3.000.000đ.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 chiếc điện thoại di động VIETTEL, vỏ màu đỏ đen đã qua sử dụng kèm 01 sim; 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG - Galaxy J5, vỏ màu vàng nâu đã qua sử dụng kèm 02 sim; Số tiền 700.000đ.

Đối với những vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được cần bị tịch thu và tiêu hủy bao gồm:

- 01 chiếc túi nilon màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc túi vải màu trắng, bên trên có ghi chữ “FORMAT LOVE” đã qua sử dụng; 01 bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 34A – 099.10 mang tên Nguyễn Văn Phan.

- 01 chiếc mũ vải, loại lưỡi trai màu đen, vỏ vạch đỏ - xanh hai bên, hoa văn là các chữ “GD”, màu vàng đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc quần dài bằng vải màu xanh, trên mác có ghi dòng chữ “FASHION” - SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc áo phông cộc tay màu trắng, mặt trước có chữ “D2” màu đỏ, bên dưới có dòng chữ “DS QUARED 2” màu đen, trên mác có dòng chữ “IT.IT” màu đen, SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc áo khoác màu đen, trên ngực trái có gắn logo tròn ghi “11”, trên mác có ghi dòng chữ “Buch Dean”, SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T.

- 01 chiếc quần bò dài màu xanh, trên mác quần có gắn mác màu đen ghi chữ “HANMAZHE”, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu tím, cổ áo có gắn mác màu đen ghi chữ “ZARA”, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H.

- 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng 12 dây chuyền và 08 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng được đánh số thứ tự từ 01 đến 20.

- 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng 06 dây chuyền và 06 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng được đánh số thứ tự từ 21 đến 32.

Đối với 02 chiếc đĩa bên trong chứa dữ liệu điện tử (trích xuất từ camera tại cửa hàng của anh Đỗ Danh H và anh Đặng Văn C có ghi lại hình ảnh T và H thực

hiện hành vi lừa đảo bán dây chuyền và lắc tay bạc kém chất lượng ngày 10/11/2017) cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 xe ô tô con nhãn hiệu DAEWOO, loại LACETTI SE-1, BKS 34A-099.10 và các giấy tờ liên quan gồm 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của xe ô tô BKS 34A-099.10; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe ô tô BKS 34A-099.10. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Tuấn K, anh K cho H thuê xe ô tô và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của T và H. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu đã làm thủ tục giao trả 01 xe ô tô con nhãn hiệu DAEWOO, loại LACETTI SE-1, BKS 34A-099.10 và các giấy tờ liên quan cho anh K quản lý sử dụng. Xét việc cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu trả lại ngay tài sản đã tạm giữ nhưng không phải là vật chứng của vụ án cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, do đó không đề cập đến việc giải quyết.

Đối với số tiền 400.000đ được hưởng lợi từ việc bán bạc kém chất lượng T đã dùng để đổ xăng xe ô tô, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập đến việc giải quyết.

[6] Đối với anh Phạm Đức L là người được Nguyễn Văn H thuê lái xe chở T và H đi từ huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc lên huyện M. Quá trình điều tra xác định trong quá trình lái xe thuê anh Phạm Đức L không biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T và H, do đó cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu không đề cập đến việc xử lý đối với anh L là đúng pháp luật.

Đối với người phụ nữ khoảng 40 tuổi đã bán các dây bạc cho Nguyễn Văn T. Do bị cáo T không biết họ tên, địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra xác minh, xử lý.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 139; khoản 2, 3 Điều 30; điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 10/11/2017.

Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn).

2. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 139; khoản 2, 3 Điều 30; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 10/11/2017.

Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn).

3. Áp dụng Điều 3, 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Chấp nhận việc anh Nguyễn Đức C là anh trai của Nguyễn Văn H và anh Trần Hồng K là cậu ruột của Nguyễn Văn T đã bồi thường thiệt hại cho anh Vũ Hồng P số tiền 4.440.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng); bồi thường cho anh Đỗ Danh H số tiền 2.220.000 đồng (Hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng); bồi thường cho anh Đặng Văn C số tiền 4.090.000 đồng (Bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng); bồi thường cho chị Đinh Thị L số tiền 2.040.000 đồng (Hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Chấp nhận việc anh Nguyễn Đức C và anh Trần Hồng K không yêu cầu Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải bồi thường lại số tiền đã bồi thường thay cho những bị hại.

4. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 12.390.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Trả cho Nguyễn Văn H quản lý sử dụng 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về phần hình phạt bổ sung và án phí hình sự các vật chứng sau:

- Tạm giữ của Nguyễn Văn H: 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng IPHONE 5, vỏ màu trắng đã qua sử dụng kèm 01 sim và số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 chiếc điện thoại di động VIETTEL, vỏ màu đỏ đen đã qua sử dụng kèm 01 sim; 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG - Galaxy J5, vỏ màu vàng nâu đã qua sử dụng kèm 02 sim; Số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Tịch thu và tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 chiếc túi nilon màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc túi vải màu trắng, bên trên có ghi chữ “FORMAT LOVE” đã qua sử dụng; 01 bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 34A – 099.10 mang tên Nguyễn Văn Phan.

- 01 chiếc mũ vải, loại lưới trai màu đen, vỏ vạch đỏ - xanh hai bên, hoa văn là các chữ “GD”, màu vàng đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc quần dài bằng vải màu xanh, trên mác có ghi dòng chữ “FASHION” - SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc áo phông cộc tay màu trắng, mặt trước có chữ “D2” màu đỏ, bên dưới có dòng chữ “DS QUARED 2” màu đen, trên mác có dòng chữ “IT.IT” màu đen, SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T; 01 chiếc áo khoác màu đen, trên ngực trái có gắn logo tròn ghi “11”, trên mác có ghi dòng chữ “Buch Dean”, SIZE M đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T.

- 01 chiếc quần bò dài màu xanh, trên mác quần có gắn mác màu đen ghi chữ “HANMAZHE”, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu tím, cổ áo có gắn mác màu đen ghi chữ “ZARA”, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H.

- 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng 12 dây chuyên và 08 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng được đánh số thứ tự từ 01 đến 20.

- 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng 06 dây chuyên và 06 lắc tay đều bằng kim loại màu trắng được đánh số thứ tự từ 21 đến 32.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 02 chiếc đĩa bên trong chứa dữ liệu điện tử (trích xuất từ camera tại cửa hàng của anh Đỗ Danh H và anh Đặng Văn C có ghi lại hình ảnh T và H thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/11/2017).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Tăng Thị Hải Oanh

- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ, VP.